

Bản án số: 261/2022/DS-PT
Ngày: 27- 12 -2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Phạm Trường Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 290/2022/QĐPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Mỹ X; Cư trú tại: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Hà Thị Mỹ X: Ông Nguyễn Thanh N; Cư trú tại: Khóm L, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2022).

- Bị đơn:

1. Bà Đỗ Thị T1.

2. Anh Phan Tấn T2.

Cùng cư trú tại: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Kim A; Cư trú tại: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Hà Thị Cẩm Q; Cư trú tại: Đường P, phường S, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đỗ Thị T1 và anh Phan Tấn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị Mỹ X trình bày:

Chị tham gia 03 dây hụi do bà Đỗ Thị T1 và con ruột là anh Phan Tấn T2 làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi số 1: Khai ngày 06/4/2020 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, hoa hồng đầu thảo là 2.500.000 đồng, gồm 26 hụi viên, chị tham gia 01 phần và đã đóng hụi sống được 15 lần với tổng số tiền là 57.000.000 đồng.

- Dây hụi số 2: Khai ngày 06/4/2020 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, hoa hồng đầu thảo là 2.500.000 đồng, gồm 26 hụi viên, chị tham gia 02 phần.

Phần thứ nhất: Chị đóng được 15 lần hụi sống với tổng số tiền là 57.000.000 đồng.

Phần thứ hai: Chị kê hụi vào kỳ thứ 16 (tháng 7/2021 âm lịch) với số tiền 1.200.000 đồng và hốt được số tiền 101.400.000 đồng nhưng bà T1, anh T2 chỉ mới giao cho chị số tiền 30.000.000 đồng dưới hình thức chuyển khoản ngân hàng nên còn nợ chị số tiền 71.400.000 đồng.

- Dây hụi số 3: Khai ngày 06/7/2020 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, hoa hồng đầu thảo là 2.500.000 đồng, gồm 27 hụi viên, chị tham gia 01 phần và đã đóng hụi sống được 12 lần với tổng số tiền là 45.600.000 đồng.

Đến tháng 11/2021 âm lịch, bà T1, anh T2 không khai hụi với lý do dịch bệnh, sau nhiều lần thương lượng phía bà T1 cố tình trì hoãn và hện ra giêng nhưng đến nay vẫn chưa trả cho chị số tiền hụi còn nợ của 03 dây hụi trên.

Nay chị yêu cầu bà T1, anh T2 có trách nhiệm hoàn trả số tiền hụi còn nợ cho chị là 225.000.000 đồng.

Tại đơn phản tố ngày 05/5/2022, đơn phản tố bổ sung ngày 22/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị T1 trình bày:

Bà là chủ hội nhưng trong sổ hội bà ghi thêm tên con bà là T2 để phụ bà thu gom tiền hội hoặc sau này có ai tranh chấp hoặc chưa hoàn tất việc trả hội thì T2 có quyền yêu cầu thay bà và chị X có tham gia hội của bà cụ thể như sau:

- Dây hội số 1: Khai ngày 06/4/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng/tháng, hoa hồng đầu thảo là 2.500.000 đồng, gồm 26 hội viên, chị X tham gia 02 phần.

Phần thứ nhất: Chị X kêu hội vào lần thứ 8 là 1.100.000 đồng và hốt được số tiền là 102.700.000 đồng, bà đã giao hội cho chị X xong. Sau đó chị X đóng hội chết được 11 lần thì ngưng và còn nợ lại 11 lần hội chết là 55.000.000 đồng.

Phần thứ hai: Chị X đã góp được 15 lần hội sống tương đương số tiền 55.900.000 đồng, sau khi khấu trừ phần thứ nhất của dây hội thì bà còn nợ chị X số tiền 900.000 đồng.

- Dây hội số 2: Khai ngày 06/4/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng/tháng, hoa hồng đầu thảo là 2.500.000 đồng, gồm 26 hội viên, chị X tham gia 02 phần.

Phần thứ nhất: Chị X kêu hội vào lần thứ 4 vào ngày 06/7/2021 âm lịch là 1.200.000 đồng và hốt được số tiền là 110.500.000 đồng, do dịch covid bùng phát nên bà chỉ giao cho chị X hai lần tiền nhận số tiền 80.000.000 đồng (lần một bà giao chị X nhận 50.000.000 đồng, lần hai anh T2 chuyển khoản cho chị X nhận 30.000.000 đồng). Sau đó chị X không góp hội chết và còn nợ lại bà 10 lần hội là 50.000.000 đồng.

Phần thứ hai: Chị X chơi thay em là Út Quyên nên ghi tên hội viên là Út Q 7 K. Phần này X kêu hội lần thứ 11 vào ngày 06/3/2021 âm lịch và hốt được 105.700.000 đồng. Còn nợ lại 14 lần hội chết và đã góp hội chết được 03 lần, còn lại 11 lần bằng 55.000.000 đồng.

Do vậy, chị X còn nợ lại bà là 105.000.000 đồng, còn còn nợ lại chị X là 110.500.000 đồng – 80.000.000 đồng = 30.500.000 đồng. Sau khi khấu trừ thì Xuyên còn nợ bà là 30.500.000 đồng.

- Dây hội số 3: Khai ngày 06/7/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng/tháng, hoa hồng đầu thảo là 2.500.000 đồng, gồm 26 hội viên, mẫn hội ngày 06/8/2022 âm lịch, chị X tham gia 02 phần.

Phần thứ nhất: Chị X kêu hội vào lần thứ 10 vào ngày 06/4/2021 âm lịch là 1.200.000 đồng và hốt được số tiền là 103.300.000 đồng. Sau đó chị X góp hội chết 02 tháng thì ngưng và còn nợ lại bà 14 lần hội chết là 70.000.000 đồng.

Phần thứ hai: Chị X góp được 12 lần hội sống tương đương số tiền 43.350.000 đồng, bà chưa giao số tiền này cho chị X. Sau khi khấu trừ thì X còn

nợ bà số tiền là 26.650.000 đồng.

Nay bà yêu cầu chị X hoàn trả số tiền chưa góp hụi của các dây hụi trên tổng cộng là 70.000.000 đồng + 26.650.000 đồng, khấu trừ số tiền bà còn nợ chị X 900.000 đồng nên yêu cầu chị X phải trả cho bà số tiền 95.750.000 đồng.

Tại bản khai ngày 06/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Tấn T2 trình bày:

Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị X vì chị X tham gia chơi hụi với bà T1 anh không biết và không tham gia vào giao dịch hụi này.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 22/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim A trình bày:

Bà thừa nhận chị X có tham gia dây hụi số 2 mở ngày 06/4/2020 âm lịch, tên hụi viên là X và Út Q 7 K (X chơi thay cho em của mình là Út Q). Còn sổ hụi ghi tên là chị 7 K, bà tham gia trong dây hụi số 2 này 02 phần và đã chia lại cho Út Q một phần, bà còn lại 01 phần nên sổ hụi ghi thêm tên là U bên cạnh chữ Chị 7 K, phần hụi của bà và chị Q thì đã giải quyết xong không có tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 299, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 23, Điều 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Mỹ X.
2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị T1.
3. Buộc bà Đỗ Thị T1 và anh Phan Tấn T2 liên đới hoàn trả chị Hà Thị Mỹ X số tiền hụi còn nợ (của 02 dây hụi mở ngày 06/4/2020 âm lịch và ngày 06/4/2020 âm lịch) bằng 231.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 10 tháng 10 năm 2022, bị đơn bà Đỗ Thị T1 có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc chị X có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hụi là 45.750.000 đồng.

Ngày 10 tháng 10 năm 2022, bị đơn anh Phan Tấn T2 có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý cùng bà T1 trả cho chị X số tiền 231.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà T1 cho rằng chị X tham gia 3 dây hụi với 6 phần hụi. Trong đó có 4 phần hụi chết, 2 phần hụi sống. Sau khi khấu trừ tiền hụi sống và hụi chết chị X còn phải trả tiếp tiền hụi chết cho bà là 45.750.000 đồng.

Nguyên đơn chị X không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà T1 và anh T2. Chị X thừa nhận chị tham gia chơi hụi do bà T1, anh T2 làm đầu thảo 3 dây hụi với 4 phần hụi. Trong đó, có 3 phần hụi sống, 01 phần hụi đã hốt nhưng bà T1 mới giao 30.000.000 đồng. Chị X yêu cầu bà T1, anh T2 liên đới trả 3 dây hụi bằng số tiền 181.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị T1 và anh Phan Tấn T2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Buộc bị đơn bà Đỗ Thị T1 và anh Phan Tấn T2 liên đới hoàn trả cho chị Hà Thị Mỹ X tổng số tiền hụi bằng 181.000.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà Đỗ Thị T1 và anh Phan Tấn T2 không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Tấn T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Cẩm Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai

nhưng cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Về trách nhiệm liên đới: Anh T2 kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà T1 trả số tiền nợ hội cho chị X nhưng chị X không đồng ý và cho rằng trong các dây hội chị tham gia thì anh T2 có tham gia nhận tiền góp hội của các hội viên. Xét sổ hội viên thể hiện các dây hội số 1, dây hội số 2, dây hội số 3 đều thể hiện chủ hội: “Đỗ Thị T1 và Phan Tấn T2”. Tại phiên tòa, bà T1 thừa nhận các sổ hội do bà phát hành và các sổ hội bà có ghi tên con bà là Phan Tấn T2 vào trong danh sách hội với mục đích để phụ bà thu gom tiền hội hoặc sau này có ai tranh chấp hoặc chưa hoàn tất việc trả hội thì anh T2 có quyền yêu cầu thay bà. Chị X, bà T1 đều thừa nhận anh T2 có tham gia nhận góp tiền hội của các hội viên, chuyển tiền hội đã hốt cho các hội viên. Do đó, anh T2 phải có trách nhiệm cùng bà T1 trả số tiền nợ hội cho chị X. Do đó, yêu cầu kháng cáo của anh T2 là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Dây hội số 1: Khai hội vào ngày 06/4/2020 âm lịch (tức ngày 28/4/2020 dương lịch), loại hội 5.000.000 đồng/tháng, gồm 26 hội viên. Chị X cho rằng chị tham gia 01 phần hội và phần hội này chị còn sống, chị đã đóng hội sống 15 lần. Còn bà T1 cho rằng chị X tham gia 02 phần hội trong đó có 01 phần hội sống đã góp được 15 lần, còn lại 01 phần hội ghi tên 7 K (số thứ tự 9) do chị X nhận chuyển giao từ bà A và chị X đã kê hốt vào kỳ thứ 8 với số tiền hốt được 105.200.000 đồng, trừ hoa hồng cho đầu thảo chị X nhận 102.700.000 đồng và khi giao tiền không lập biên nhận. Sau đó chị đóng 11 lần hội chết thì ngưng và còn nợ lại bà 11 lần hội chết tương đương số tiền 55.000.000 đồng nên sau khi khấu trừ tiền của 02 phần hội chị X còn nợ bà số tiền là 900.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị X và bị đơn bà T1 thống nhất phần hội sống chị X đã đóng 15 lần bằng số tiền 55.900.000 đồng.

Xét phần hội ghi tên 7 K (số thứ tự 9) bà T1 cho rằng do chị X nhận chuyển giao lại từ bà A nhưng chị X không thừa nhận có tham chơi phần hội trên. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm bà T1 cung cấp bản khai ngày 07/11/2022 của người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu S thể hiện “thấy bà X trúng hội được bà T1 giao số tiền là 102.700.000 đồng vào tháng 11/2020 âm lịch”, và “vào tháng 4/2021 âm lịch, khi tôi qua đóng hội cho bà T1 thì thấy bà X nhận tiền hội do bà T1 giao là 103.300.000 đồng”, đồng thời cũng có xác nhận vào tháng 3/2021 “thấy bà T1 giao tiền hội cho bà X là 105.700.000 đồng”. Tại phiên tòa, chị X không thừa nhận các lời khai của người làm chứng trên. Xét các bản khai do bà T1 cung cấp trên đều đánh máy và có nội dung tương tự nhau

do cùng một người chứng kiến và trong nhiều thời điểm, nhiều dây hụi khác nhau nên không phải là chứng cứ khách quan để xem xét giải quyết vụ án. Ngoài ra, bà T1 không cung cấp chứng cứ khác chứng minh chị X có tham gia chơi 2 phần hụi và đã hốt phần hụi số tiền 102.700.000 đồng.

Căn cứ vào Điều 12, Điều 13, Điều 17, Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1 về việc yêu cầu chị X tiếp tục thực hiện nghĩa vụ góp hụi chết cho bà T1 sau khi khấu trừ bằng số tiền là 900.000 đồng. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X buộc bà T1, anh T2 có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền hụi là 55.900.000 đồng.

[4] Dây số 2: Khai hụi vào ngày 06/4/2020 âm lịch (tức ngày 28/4/2020 dương lịch), loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 26 hụi viên, hoa hồng đầu thảo là 2.500.000 đồng. Chị X và bà T1 thống nhất chị X tham gia 02 phần hụi, một phần ghi tên X (số thứ tự 10) và một phần ghi tên Út Q 7 K (số thứ tự 25).

- Phần thứ nhất ghi tên Út Q 7 K (số thứ tự 25): Chị X cho rằng chị kêu hụi vào kỳ thứ 16 ngày 06/7/2021 âm lịch (ngày 13/8/2021 dương lịch) hốt được số tiền 101.400.000 đồng nhưng bà T1, anh T2 chỉ mới giao cho chị số tiền 30.000.000 đồng dưới hình thức chuyển khoản ngân hàng nên còn nợ chị số tiền 71.400.000 đồng. Còn bà T1 cho rằng chị X hốt được số tiền là 110.500.000 đồng, do dịch covid bùng phát nên bà chỉ giao cho chị X hai lần tiền với tổng số tiền 80.000.000 đồng (lần một bà giao chị X nhận trực tiếp bằng 50.000.000 đồng không ghi biên nhận, lần hai anh T2 chuyển khoản cho chị X nhận 30.000.000 đồng). Bà còn nợ tiền hụi chị X số tiền 30.500.000 đồng và đồng ý trả. Sau đó chị X hốt hụi không góp hụi chết và còn nợ lại bà 10 lần hụi chết là 50.000.000 đồng nên yêu cầu chị X trả số tiền trên. Xét số tiền bà T1 cho rằng đã giao trực tiếp số tiền hụi chị X hốt 50.000.000 đồng và không buộc chị X ký nhận nhưng chị X không thừa nhận có nhận số tiền trên, ngoài lời trình bày thì bà T1 không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh đã giao số tiền trên. Tại phiên tòa, chị X đồng ý trả cho bà T1 số tiền nợ hụi chết chưa đóng 10 lần bằng 50.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào tiền hụi bà T1 chưa giao đủ nên yêu cầu kháng cáo bà T1 được chấp nhận. Vì vậy, phần hụi này sau khi khấu trừ buộc bà T1 có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền hụi là 30.500.000 đồng.

- Phần thứ hai ghi tên X (số thứ tự 10): Chị X cho rằng chị đóng được 15 lần hụi sống với tổng số tiền là 57.000.000 đồng. Tại sổ theo dõi hụi của bà T1 cung cấp thể hiện 15 lần hụi sống chị X đã đóng bằng số tiền 55.450.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T1 và chị X thống nhất số tiền hụi sống chị X đã đóng 15 lần bằng số tiền 55.900.000 đồng. Bà T1 đồng ý trả số tiền trên cho chị X.

[5] Dây số 3: Khai ngày 06/7/2020 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, hoa hồng đầu thảo là 2.500.000 đồng, đến lần khai hụi thứ 13 thì bà T1 ngưng hụi do dịch bệnh covid. Bà T1 cho rằng dây hụi này gồm 26 hụi viên, chị X tham gia 02 phần hụi, trong đó có 01 phần đã góp được 12 lần hụi sống tương đương số tiền 43.350.000 đồng, 01 phần hụi đã kêu hót vào kỳ thứ 10 vào ngày 06/4/2021 âm lịch với số tiền hót được là 103.300.000 đồng và bà đã giao tiền hụi cho chị X nhận nhưng không lập biên nhận. Sau khi hót hụi chị X góp hụi chết 02 tháng thì ngưng và còn nợ lại bà 14 lần hụi chết là 70.000.000 đồng. Còn chị X cho rằng dây hụi này gồm 27 hụi viên, chị tham gia 01 phần và đã đóng hụi sống được 12 lần với tổng số tiền là 45.600.000 đồng, chị không có hót hụi hay nhận tiền hụi 103.300.000 đồng và không có nợ hụi chết bà T1 14 lần bằng số tiền 70.000.000 đồng như lời trình bày của bà T1.

Tại danh sách hụi viên do chị X cung cấp thể hiện dây hụi này có 27 hụi viên (Bút lục số 06), trong đó chị X tham gia 01 phần (số thứ tự số 1). Còn sổ theo dõi hụi do bà T1 cung cấp chỉ có 26 hụi viên, thể hiện 01 phần ghi X 7K - số thứ tự số 2, 01 phần ghi tên X đã bị gạch bỏ và thay vào tên T1 - số thứ tự thứ 3. Theo giấy xác nhận đề ngày 16/12/2022 của hụi viên Nguyễn Thị Bích T3 (vợ 7 T4, số thứ tự 18) cho rằng dây hụi số 3 gồm 27 hụi viên, mần hụi vào ngày 06/8/2022 âm lịch, chị X tham gia 01 phần hụi và hiện nay hụi còn sống. Xét các danh sách hụi viên do nguyên đơn, bị đơn cung cấp khác nhau. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T1 thừa nhận danh sách hụi chị X cung cấp do bà T1 giao cho chị X nên chứng cứ chị X cung cấp là khách quan và phù hợp với lời trình bày của các hụi viên khác. Còn danh sách hụi do bà T1 ghi, cung cấp thì chị X không thừa nhận và ngoài lời trình bày bà T1 không cung cấp chứng cứ khác chứng minh chị X có tham gia chơi 2 phần hụi và phần hụi thứ hai chị Xuyên đã hót, chị X nợ hụi chết bà T1 14 lần bằng số tiền 70.000.000 đồng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1.

Tại phiên tòa, bà T1 và chị X thống nhất phần hụi sống chị X đã đóng 12 lần bằng số tiền 43.350.000 đồng. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X buộc bà T1, anh T2 có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền hụi là 43.350.000 đồng.

[6] Tổng cộng 3 dây hụi bà T1, anh T2 và chị X có nghĩa vụ phải thanh toán cho nhau cụ thể là:

Dây hụi số 1 bà T1, anh T2 phải trả tiền hụi sống cho chị X là 55.900.000 đồng;

Dây hụi số 2: Phần hụi thứ nhất bà T1, anh T2 phải trả tiền hụi chị X hót nhưng chưa giao đủ là 80.500.000 đồng. Chị X hót hụi nhưng chưa đóng hụi chết cho bà T1 là 50.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ thì bà T1, anh T2 phải trả

tiền hội chị X bằng số tiền 30.500.000 đồng; Phần hội thứ hai bà T1, anh T2 phải trả tiền hội sống cho chị X là 55.900.000 đồng;

Dây hội số 3 bà T1, anh T2 phải trả tiền hội sống cho chị X là 43.350.000 đồng.

Như vậy, sau khi khấu trừ bà T1, anh T2 có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền nợ hội 185.650.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị X chỉ yêu cầu bà T1, anh T2 trả số tiền 181.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà T1 là có căn cứ chấp nhận một phần.

[7] Án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hà Thị Mỹ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận là: $(231.000.000 \text{ đồng} - 181.000.000 \text{ đồng}) = 50.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.500.000 \text{ đồng}$ và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phản tố bị đơn được chấp nhận: $50.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Bà Đỗ Thị T1 và anh Phan Tấn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho chị X: $181.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.050.000 \text{ đồng}$ và bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền theo yêu cầu phản tố không được chấp nhận: $(95.750.000 \text{ đồng} - 50.000.000 \text{ đồng}) = 45.750.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.287.500 \text{ đồng}$.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị T1 và anh Phan Tấn T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị T1 và bị đơn anh Phan Tấn T2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 299, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phùng. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Mỹ X về việc yêu cầu bà Đỗ Thị T1 và bị đơn anh Phan Tấn T2 trả tiền nợ 03 dây hụi do bà T1 anh T2 làm đầu thảo và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị T1 về việc yêu cầu chị Hà Thị Mỹ X trả số tiền 01 phần hụi chết chưa đóng. Sau khi khấu trừ số tiền hụi phải trả cho nhau giữa chị Hà Thị Mỹ X với bà Đỗ Thị T1 và anh Phan Tấn T2.

Buộc bà Đỗ Thị T1 và anh Phan Tấn T2 liên đới hoàn trả chị Hà Thị Mỹ X số tiền hụi còn nợ (của 02 dây hụi mở ngày 06/4/2020 âm lịch và 01 dây hụi mở ngày 06/7/2020 âm lịch) bằng 181.000.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Mỹ X về việc yêu cầu bà Đỗ Thị T1 và anh Phan Tấn T2 trả cho chị số tiền nợ hụi 50.000.000 đồng và không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị T1 về việc yêu cầu chị X khấu trừ số tiền hụi chết là 45.750.000 đồng.

3. Án phí dân sự:

Chị Hà Thị Mỹ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.625.000 đồng theo biên lai số 13389 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi khấu trừ hoàn trả cho chị X số tiền 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Bà Đỗ Thị T1 và anh Phan Tấn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.337.500 đồng và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền bà T1, đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.375.000 đồng theo biên lai thu số 13613 ngày 12/5/2022 và số tiền 600.000 đồng bà T1, anh T2 đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 13795 ngày 10 tháng 10 năm 2022 và số 13799 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ bà Đỗ Thị T1 và anh Phan Tấn T2 phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.362.500 đồng (Sáu triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.BT: 01;
- VKSND H.BT: 01;
- Chi Cục THADS H.BT: 01;
- Đương sự: 03;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca